

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Duy
2. Ông Trần Minh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2021/TB-TLVA ngày 17 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 15 tháng 10 năm 2021 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng xảy ra cự cãi, chị đã 02 lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vì thương con nên quay trở về chung sống. Tuy nhiên, đến tháng 9/2021, anh Đ tiếp tục chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác lại còn hăm dọa đòi giết chị và mẹ chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân với anh Đ từ đó cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/01/1999 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/7/2003. Hiện cháu N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu nuôi cháu Tình, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị xác định cháu Tình đã trưởng thành, phát triển bình thường và tự lo cho bản thân được nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị T về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, thời gian mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi cờ bạc. Nay, anh chị vẫn còn sống chung nhà nhưng do anh đi làm ở Gò Công nên 02 tháng nay không về nhà. Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con. Về con chung, nếu Tòa án buộc ly hôn thì anh Đ ý để Chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyển số 01 ngày 17/7/2006. Như vậy, Chị T và anh Đ có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp.

[2.1.2] Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 nguyên nhân do anh Đ ham mê cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Anh Đ cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do anh có chơi cờ bạc nhưng không đồng ý ly hôn. Xét thấy, Chị T và anh Đ không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay anh Đ không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ và cũng không tham gia hòa giải để đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/01/1999 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/7/2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, các cháu N và T1 đã thành niên, phát triển bình thường tự lao động được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/01/1999 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 29/7/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003574 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Huỳnh Trúc